

## CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CHO GIÁO VIÊN: CON ĐƯỜNG CHUYỂN ĐỔI VÀ THÍCH ỨNG

Ninh Thị Hạnh<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** *Bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của giáo viên (GV) luôn là nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng một nền giáo dục chất lượng. Trong bối cảnh giáo dục phổ thông Việt Nam đang đứng trong một cuộc cải cách lớn thể hiện nổi bật ở việc đổi mới Chương trình, sách giáo khoa, vấn đề phát triển chuyên môn cho GV trở nên đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà còn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các trường sư phạm trên cả nước. Trong những năm trở lại đây, để theo kịp sự phát triển của xã hội và thích ứng với dịch Covid-19, việc chuyển đổi số trong bồi dưỡng chuyên môn giáo viên đã và đang diễn ra mạnh mẽ. Bài viết tập trung thực hiện hai nhiệm vụ cơ bản. Thứ nhất, tìm hiểu quan niệm và các nhân tố tạo nên chuyển đổi số trong giáo dục trên thế giới. Thứ hai, trên cơ sở đó đối chiếu với thực tế quá trình chuyển đổi số trong bồi dưỡng giáo viên ở Việt Nam và đề xuất một số biện pháp cụ thể với quá trình chuyển đổi số của các trường sư phạm.*

**Từ khóa:** *Chuyển đổi số, bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, phát triển chuyên môn giáo viên*

### 1. MỞ ĐẦU

Sự phát triển theo cấp số nhân của cuộc cách mạng lần thứ tư và “cú hích” từ đại dịch Covid – 19 khiến từ khóa “chuyển đổi số” trở thành vấn đề được quan tâm hàng đầu trong nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục. Thống kê trên Google Scholar có 4.770.000 kết quả liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục đại học (Digital Transformation in Higher Education), 969.000 kết quả liên quan đến kết quả liên quan đến chuyển đổi số trong phát triển chuyên môn của giáo viên (Digital Transformation in Teacher professional development)<sup>2</sup>. Các công trình nghiên cứu tập trung giải quyết một số vấn đề cơ bản sau:

*Thứ nhất*, làm rõ nội hàm của khái niệm “chuyển đổi số” trong giáo dục nói chung và giáo dục Đại học nói riêng. Hầu hết các nghiên cứu đều khẳng định: Chuyển đổi số trong giáo dục không đơn thuần là sự thay đổi của công nghệ [1, tr.1] và không thể chỉ giới hạn ở việc tạo ra một bản số của sách giáo khoa thông thường, số hóa tài liệu và cung cấp khả năng truy cập Internet tốc độ cao cho tất cả các trường học [2, tr.757]. Chuyển đổi số còn là quá trình đòi hỏi sự đột phá trong phương pháp và cách tiếp cận giảng dạy

<sup>1</sup> Trường ĐHSP Hà Nội 2

<sup>2</sup> Thống kê trên Google Scholar ngày 02/6/2025

để thích nghi với nhu cầu học tập mới của người học. Người học cần phải được trải nghiệm hiệu quả hơn, học qua hợp tác thông các hình thức học tập kết hợp giữa không gian truyền thống và ảo, liên kết trực tuyến với ngoại tuyến trong một không gian học tập mới có Big Data, Trí tuệ nhân tạo... thuận tiện cho việc học tập ở bất cứ đâu, bất cứ khi nào, và học tập không ngừng [3, tr.5], [4]. Chuyển đổi số trong giáo dục thực chất là tạo ra một quỹ đạo học tập cá nhân cho mỗi học sinh, chủ yếu dựa trên việc xây dựng hệ thống nguồn tài nguyên điện tử chất lượng cao [2, tr.757]. Chuyển đổi số trong giáo dục còn đòi hỏi sự thay đổi về phương thức tổ chức và quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận phát triển bền vững, sự thay đổi về tư duy và văn hoá giáo dục [5], [6, tr.235].

*Thứ hai*, các nghiên cứu thực tiễn việc chuyển đổi số trong giáo dục đại học, cụ thể trong lĩnh vực đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cho thấy: Để chuyển đổi số, các trường sư phạm đang định hình lại hệ thống và cách vận hành của họ [6, tr.237]. Đồng thời thiết kế các chương trình giảng dạy kỹ thuật số mới và khai giảng các khóa học với Chứng chỉ điện tử để quá trình đào tạo bắt kịp với tốc độ chuyển đổi kỹ thuật số nhanh chóng [7]. Và bất kỳ sự chuyển đổi nào trong giáo dục đều liên quan đến ba khía cạnh là *sử dụng công nghệ mới, thực hành sư phạm đã chuyển đổi và phát triển các mô hình/lý thuyết mới phù hợp với sự chuyển đổi* [8, tr.3]. Các nghiên cứu cũng tập trung đề xuất mô hình chuyển đổi số trong giáo dục với các thành tố gồm: chuyển đổi về thiết bị công nghệ; chiến lược và khả năng lãnh đạo; quản lý; nguồn nhân lực; văn hoá nhà trường; hoạt động dạy và học. Các yếu tố này tác động qua lại, tạo động lực và điều kiện cho nhau cùng phát triển. Trong đó, con người đóng vai trò trung tâm, quyết định sự thành công của chuyển đổi số.



**Hình 1.** Mô hình chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục [5, tr.45]

Như vậy, chuyển đổi số trong giáo dục là sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào giáo dục, tận dụng các công nghệ để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình giáo dục và cung cấp các giá trị mới cho các đối tượng liên quan. Chuyển đổi số cũng là sự thay đổi về văn hóa của các nhà trường, đòi hỏi nhà trường phải linh hoạt, liên tục thử nghiệm cái mới và chấp nhận các thất bại.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng rất được quan tâm, đặc biệt từ sau khi “*Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 6/2020. Trong đó, giáo dục được xác định là một trong tám lĩnh vực cần được ưu tiên hàng đầu trong chuyển đổi số [9].

Cuối năm 2022, “Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên” được xây dựng trên tiêu chí bám sát nội dung chương trình chuyển đổi số quốc gia, áp dụng cho các cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học trong và ngoài công lập đã được xây dựng với 7 chỉ số: *Chỉ số hạ tầng, nền tảng số và an toàn thông tin; Chỉ số phát triển nhân lực số; Chỉ số về nguồn lực; Chỉ số xây dựng thể chế; Chỉ số hoạt động quản trị số; Chỉ số hoạt động dạy - học số và Chỉ số hoạt động dịch vụ số học đường* [10].

Tháng 11 năm 2024, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo với mục đích đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức, hướng dẫn triển khai chuyển đổi số trong phạm vi quản lý của Sở giáo dục và đào tạo (GDĐT), Phòng GDĐT [11].

Cùng với đó là các nghiên cứu về chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Các nghiên cứu tập trung khẳng định vai trò chuyển đổi số là một phần tất yếu trong quá trình phát triển của giáo dục đại học ở Việt Nam [12]. Các tác giả khẳng định chuyển đổi số có thể tạo đột phá trong việc thúc đẩy bình đẳng trong giáo dục ở hai phương diện: tăng cường sự tiếp cận của người học, đặc biệt là thành phần yếu thế; và nâng cao chất lượng đào tạo nhờ khai thác sức mạnh công nghệ [13, tr.8], [14, tr.145]. Để chuyển đổi số thành công các trường đại học cần chuẩn bị những điều kiện cốt lõi như: xây dựng cơ sở pháp lý đồng bộ; thay đổi tư duy và năng lực quản lý; đảm bảo cơ sở hạ tầng; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của giảng viên, sinh viên; xây dựng văn hoá số trong nhà trường [13, tr.9].

Tuy vậy, những nghiên cứu về quá trình chuyển đổi số trong các trường sư phạm và công tác bồi dưỡng giáo viên còn khá mờ nhạt. Thực tế đó, đòi hỏi cần đầu tư quan tâm nghiên cứu và xây dựng kế hoạch dài hạn cho công tác này để các trường sư phạm có thể làm tốt hai nhiệm vụ song song là: đào tạo được những thế hệ giáo viên GV tương lai đủ

năng lực giảng dạy chương trình giáo dục phổ mới và bồi dưỡng và đào tạo lại các GV đang trực tiếp giảng dạy ở phổ thông.

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Chuyển đổi số trong bồi dưỡng thường xuyên giáo viên ở Việt Nam: từ chính sách đến thực tiễn

Bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) giáo viên là một trong nhiều mô hình nhằm phát triển nghề nghiệp liên tục cho giáo viên. Đây cũng là mô hình có ưu thế giúp số đông giáo viên được tiếp cận với các chương trình phát triển nghề nghiệp. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, hoạt động mô hình bồi dưỡng giáo viên đã có những thay đổi rõ nét và càng thấy rõ dấu ấn của chuyển đổi số trong công tác này.

Trước năm học 2012 - 2013, phần lớn các hoạt động BDTX đều được triển khai qua hai bước: bước (1) Tập huấn giáo viên cốt cán tại trung ương; (2) Giáo viên cốt cán tập huấn đại trà cho giáo viên ở cơ sở. Trong cả hai bước này, hình thức bồi dưỡng giáo viên tại các lớp tập huấn trực tiếp là hình thức cơ bản. Mặc dù đạt được những kết quả đáng kể nhưng theo báo cáo tổng kết thực hiện chương trình BDTX chu kỳ II, III (2009). Công tác bồi dưỡng giáo viên trong các chu kỳ này cũng bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, nhất là về chất lượng bồi dưỡng giáo viên. Một trong số những nguyên nhân là do việc tập huấn giáo viên qua hai bước làm cho chất lượng bồi dưỡng chưa được đảm bảo ổn định [15, tr.2].

Từ năm 2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo có những thay đổi mới trong công tác BDTX với việc đa dạng các hình thức tổ chức, bên cạnh hình thức tự học và bồi dưỡng tập trung, có thêm hình thức tập huấn từ xa (qua mạng Internet) qua *Thông tư 26/2012/TT-BGDĐT (10/7 2012): Ban hành quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên*. Tại thời điểm đó, hình thức tập huấn từ xa qua mạng Internet cũng được kì vọng trở thành xu hướng tất yếu trong công tác BDTX giáo viên [16].

Tuy nhiên, đến năm 2017, qua một khảo sát nhỏ với 64 giáo viên môn Lịch sử ở Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định, Lào Cai, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hà Giang, Phú Thọ, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Ninh Thuận, cho thấy: GV phụ thuộc chủ yếu vào kế hoạch của các trường phổ thông hoặc theo lịch tập huấn chung của Sở Giáo dục và Đào tạo (72.5% ý kiến) qua hình thức tập trung, số lượng GV tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ còn rất hạn chế (18.8% ý kiến) [17, tr.55]. Hình thức bồi dưỡng từ xa qua mạng chưa thông dụng. Lý giải cho thực tế này có thể xem xét một số lý do như: 1. Hình thức tập huấn trực tuyến chưa được các nhà quản lý xem như một phương án chủ yếu; 2. Niềm tin của cơ quan quản lý và giáo viên vào hình thức bồi dưỡng này chưa cao; 3. Những hạn chế về cơ sở vật chất, hạ tầng cho việc bồi dưỡng trực tuyến chưa đồng bộ (số người dùng Internet ở Việt Nam tính đến đầu năm 2017 là 53%) [18].

Cuối năm 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành *Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT (12/11/2019): Ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên*. Trong văn bản này, thể hiện nhiều sự thay đổi chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, tạo cơ sở cho chuyển đổi số trong BDTX cho giáo viên. Trước hết, về hình thức BDTX: tiếp tục sử dụng hình thức BDTX từ xa (nói cách khác là hình thức trực tuyến) nhưng theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng internet; bổ sung thêm hình thức bán tập trung: kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến. *Thứ hai về tài liệu, học liệu cho hình thức BDTX trực tuyến được cụ thể hoá, đa dạng các loại hình. Thứ ba, yêu cầu về báo cáo viên: bổ sung thêm các yêu cầu về trình độ tin học cơ bản và khả năng xây dựng học liệu số. Thứ tư, về cơ sở giáo dục thực hiện BDTX, bổ sung thêm các yêu cầu về nền tảng hạ tầng số (Bảng 1)*

**Bảng 1.** So sánh thay đổi về loại hình, tài liệu, yêu cầu về báo cáo viên và cơ sở giáo dục thực hiện BDTX từ năm 2012 đến năm 2019

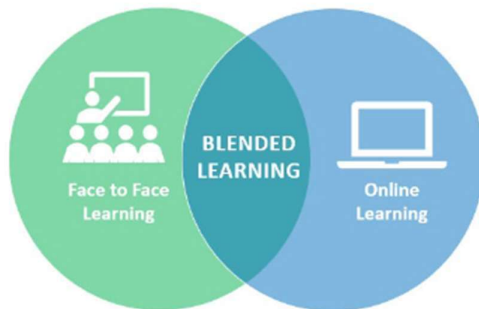
	<b>Thông tư 26/2012/TT-BGDĐT (10/7/ 2012)</b>	<b>Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT (12/11/2019)</b>
<b>Loại hình tổ chức BDTX</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự học kết hợp với sinh hoạt tập thể về chuyên môn, nghiệp vụ.</li> <li>- Tập trung</li> <li>- Từ xa (qua mạng Internet)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung</li> <li>- Từ xa: tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng internet</li> <li>- Bán tập trung: Kết hợp loại hình tổ chức bồi dưỡng tập trung và từ xa.</li> </ul>
<b>Tài liệu BDTX</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ấn phẩm, băng tiếng, băng hình và các thiết bị lưu trữ thông tin khác nhau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- BDTX tập trung: ấn phẩm, băng tiếng, băng hình và các thiết bị lưu trữ thông tin khác.</li> <li>- BDTX từ xa: học liệu (đoạn phim ngắn; chương trình truyền hình; sách in, tài liệu dạy và học với sự trợ giúp của máy tính; bài tập trên internet và các buổi trao đổi thảo luận, truyền hình hội nghị từ xa; bài thực tập ảo, bài thực tập mô phỏng...)</li> <li>- BDTX bán tập trung: Kết hợp tài liệu BDTX tập trung và tài liệu BDTX từ xa.</li> </ul>

<b>Báo cáo viên</b>	- Yêu cầu trình độ chuyên môn và trách nhiệm.	- Yêu cầu trình độ chuyên môn và trách nhiệm - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản - Có khả năng xây dựng và phát triển học liệu số
<b>Cơ sở GD thực hiện nhiệm vụ BDTX</b>	- Trường sư phạm, cơ sở giáo dục có khoa sư phạm, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo theo quy định Luật GD. - Yêu cầu về cơ sở vật chất và đội ngũ	- Trường sư phạm, cơ sở giáo dục có khoa sư phạm, cơ sở giáo dục được phép đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo - Đảm bảo năng lực xây dựng tài liệu BDTX - Có hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về báo cáo viên, giáo viên và cán bộ quản lý; có hệ thống ghi nhận và xử lý phản hồi từ các bên có liên quan về các tiến bộ trong bồi dưỡng nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý. - Hệ thống phần cứng và phần mềm công nghệ được duy trì thường xuyên và luôn sẵn sàng để báo cáo viên và giáo viên, cán bộ quản lý có thể sử dụng hiệu quả;

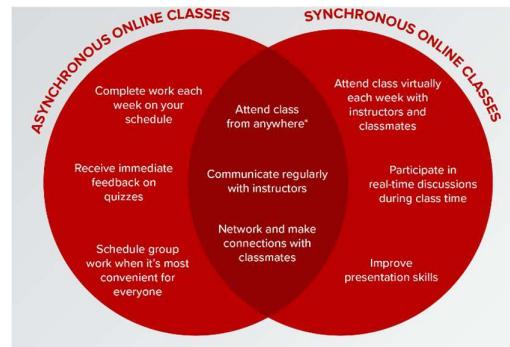
(Nguồn: Tác giả)

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới của Chương trình GDPT 2018, thông qua Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (Chương trình ETEP), Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đẩy mạnh việc bồi dưỡng giáo viên thường xuyên; kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; biến quá trình bồi dưỡng thành tự bồi dưỡng có hỗ trợ của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cốt cán và giảng viên sư phạm chủ chốt. Trong 2 năm 2019 và 2020, với 3 mô – đun 1, 2, 3, giáo viên được bồi dưỡng qua hình thức kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp. GV sẽ tự học các tài liệu được tải trên Hệ thống bồi dưỡng trực tuyến (LMS) trong khoảng 5-7 ngày, hoàn thành các bài kiểm tra, chuẩn bị các nội dung, sau đó sẽ được các giảng viên sư phạm chủ chốt bồi dưỡng trực tiếp 2-3 ngày. Giáo viên cốt cán sẽ tiếp tục tự học học

7 ngày để hoàn thành các bài tập, hoàn thành kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp với sự hỗ trợ của giảng viên sư phạm (xem minh hoạ mô hình ở hình 2).



**Hình 2.** Mô hình kết hợp giữa dạy học trực tuyến và trực tiếp [19, tr. 227]



**Hình 3.** Mô hình kết hợp trong dạy học trực tuyến [20, tr. 225]

Bước sang năm 2021, do những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid -19, các mô – đun 5 và 9 được chuyển sang hình thức kết giữa trực tuyến đồng bộ (synchronous) và trực tuyến không đồng bộ (asynchronous) theo công thức 7-2-7. (xem minh hoạ mô hình ở Hình 3).

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện bằng phương thức trực tuyến kết hợp đánh giá đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Báo cáo chiết xuất được thực hiện tự động để theo dõi tiến độ và kết quả học tập của học viên. Trong đó có đánh giá cụ thể sự tham gia của người học vào khoá học trực tuyến; mức độ thường xuyên tương tác với GV/CBQL cốt cán hoặc giảng viên chủ chốt; các điểm kiểm tra và bài tập cuối khoá được chấm theo rubric có sẵn [21]. Theo báo cáo tổng kết Chương trình ETEP của các trường Sư phạm (Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường ĐHSP Hà Nội 2; Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh; Đại học Vinh), ngoài việc hoàn thành các thoả thuận thực hiện Chương trình, các khoá bồi dưỡng GV THPT này còn mang lại những giá trị lâu dài: Năng lực lãnh đạo và quản trị nhà trường đã được tăng cường; Năng lực của giảng viên trường sư phạm được nâng lên; giảng viên đã hiểu sâu và rõ hơn về Chương trình GDPT 2018 [22]. Năng lực ứng dụng CNTT trong nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên được tăng cường [21]; Tạo ra sự thay đổi tích cực trong nhận thức của giáo viên về tự bồi dưỡng, phát triển nghề nghiệp thường xuyên, liên tục và hình thành các cộng đồng học tập trong đội ngũ nhà giáo, cùng chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn [23]; Các trường sư phạm có sự tăng cường quan hệ với nhau; tăng vai trò, vị thế và sự gắn kết với các Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường phổ thông [24].

Tháng 9 năm 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã tổ chức khoá tập huấn: Tăng cường năng lực dạy học trực tuyến/qua truyền hình cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên các cấp của 63 tỉnh thành phố theo hình thức kết giữa trực tuyến đồng bộ (synchronous) và trực tuyến không đồng bộ (asynchronous) theo công thức 1-1 với kho học liệu số hỗ trợ GV gồm: video, tài liệu hướng dẫn, kế hoạch bài dạy minh hoạ. Mặc dù, thời gian tập huấn không dài nhưng qua kết quả khảo sát 342 GV Lịch sử cấp THPT thuộc các Sở GD: 35 tỉnh, thành phố từ Bắc, Trung, Tây Nguyên cho thấy một số khó khăn cơ bản của GV trong quá trình có xu hướng giảm.

**Bảng 2.** Kết quả khảo sát sơ bộ sau khoá tập huấn Tăng cường năng lực dạy học trực tuyến cho GV THPT (môn Lịch sử)

Khó khăn của GV	Trước tập huấn	Sau tập huấn
Chuẩn bị học liệu, tư liệu dạy học điện tử	35%	15%
Sử dụng công cụ công nghệ hỗ trợ giao nhiệm vụ và KTĐG HS	43%	22%
Sử dụng công cụ tương tác trong quá trình kết nối trực tuyến	46%	21%

(Nguồn: Tác giả)

Như vậy, bước đầu có thể khẳng định quá trình chuyển đổi số trong công tác BDTX cho GV đã có những chuyển biến rõ nét thể hiện các khía cạnh: thay đổi về chính sách, phương thức bồi dưỡng, hạ tầng cơ sở và hệ thống học liệu cũng như phương thức kiểm tra đánh giá... Những chuyển đổi này đã mang lại những kết quả tích cực không chỉ cho bản thân GV – người được bồi dưỡng mà còn cho giảng viên, cơ sở giáo dục tham gia vào quá trình bồi dưỡng.

## **2.2. Một số đề xuất với quá trình chuyển đổi số của các trường sư phạm trong hoạt động bồi dưỡng thường xuyên cho GV**

Trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, đã nêu rõ tầm nhìn đến năm 2030 của Việt Nam là “trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp” [9]. Đối với lĩnh vực giáo dục, trong Quyết định này nhấn mạnh: “Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triết để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hoá tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng

*chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hoá. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.” [9].*

Để thực hiện những mục tiêu này và thúc đẩy thành quả đạt đã được những năm vừa qua trong công tác BDTX cho GV, các trường sư phạm cần ưu tiên thực hiện các biện pháp cụ thể sau:

*Thứ nhất, chủ động xây dựng cơ chế tổ chức quản lý linh hoạt, tiếp cận đa dạng hơn với hoạt động BDTX của GV phổ thông. Thể chế cần đi trước một bước và được điều chỉnh linh hoạt để chấp nhận những thay đổi mới. Xây dựng hệ thống văn bản pháp lý quy định và hướng dẫn thực hiện hoạt động BDTX có sự phối hợp với các Sở Giáo dục địa phương, các trường phổ thông cụ thể. Trong đó, mở rộng kết nối với các loại hình trường khác nhau: trường chuyên, trường công lập, trường tư thục, trường quốc tế, trung tâm giáo dục thường xuyên...*

*Thứ hai, xây dựng mạng lưới giáo viên, trường học “vệ tinh”. Bên cạnh việc quan tâm phát triển hệ thống trường để giảng viên thực nghiệm, các trường sư phạm có thể tận dụng sức mạnh hợp tác trực tuyến thông qua chuyển đổi số đưa giáo dục đại học gần hơn thực tiễn giáo dục phổ thông bằng việc kết nối chặt chẽ hơn với mạng lưới GV phổ thông. Trước mắt là liên kết kiến tập, thực tập sư phạm của sinh viên, sau là đa dạng hoá hoạt động BDTX cho GV qua nền tảng số. Các hoạt động trực tuyến để tăng cường tính gắn kết được đề xuất gồm: dự giờ, sinh hoạt chuyên môn, seminar chuyên đề chuyên sâu, tập huấn,... Trong đó, cần nhấn mạnh rằng, bồi dưỡng thường xuyên qua nền tảng số không chỉ đơn thuần là việc chuyển các hoạt động đào tạo sang hình thức trực tuyến, mà là quá trình tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào toàn bộ chu trình học tập – từ thiết kế nội dung, tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá đến quản lý học viên. Đây là hình thức phát triển chuyên môn cho giáo viên thông qua các nền tảng công nghệ như LMS, MOOC, hệ thống quản lý học tập kết hợp (blended/hybrid), cho phép cá nhân hóa tiến trình học tập, hỗ trợ tương tác đa chiều và đánh giá linh hoạt. Mục đích của hoạt động này là trao đổi và phát triển chuyên môn cho GV không phải theo cách “truyền thụ – tiếp nhận” mà trên tinh thần xây một cộng đồng học tập bền vững, với tinh thần cởi mở, bình đẳng, tương tác hai chiều.*

*Thứ ba, tận dụng những lợi thế của chuyển đổi số, cung cấp các dịch vụ giáo dục được cá nhân hóa. Cụ thể là thiết kế và cung cấp các khoá BDTX theo môn học hoặc chủ đề phù hợp với yêu cầu BDTX của GV (120 tiết/ năm học) theo Thông tư 17/2019/TT-BGDĐT: Ban hành chương trình BDTX giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (1/11/2019)*

hoặc phù hợp với nhu cầu tự học, tự phát triển chuyên môn của giáo viên. Các khoá học có thể được tổ chức linh hoạt theo hình thức dạy học kết hợp trực tuyến – trực tiếp hoặc kết hợp trực tuyến đồng bộ và không đồng bộ. Học viên tham dự sẽ được quản lý trên hệ thống LMS của cơ sở giáo dục và sau mỗi khoá học, sẽ được cấp chứng chỉ. Như vậy, GV phổ thông sẽ có cơ hội lựa chọn phương thức BDTX đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn liên tục của bản thân.

*Thứ tư, xây dựng hệ sinh thái số cho bồi dưỡng thường xuyên một cách đồng bộ, khoa học, bắt đầu từ quá trình nâng cấp hệ thống LSM, đẩy nhanh hoàn thành việc số hoá học liệu và xây dựng kho học liệu số đa dạng hỗ trợ BDTX: video, mô hình tương tác, tài liệu dạy và học với sự trợ giúp của máy tính; bài tập trên internet và các buổi trao đổi thảo luận, truyền hình hội nghị từ xa; bài thực tập ảo, bài thực tập mô phỏng... Đây chính là môi trường tích hợp giữa con người, nội dung số, công nghệ và cơ chế quản lý – điều phối, nhằm tạo điều kiện cho việc học tập diễn ra liên tục, mọi lúc, mọi nơi, giúp thúc đẩy chuyển đổi số bền vững trong phát triển năng lực nghề nghiệp nhà giáo.*

Những biện pháp này kì vọng sẽ phát huy được những ưu thế của quá trình chuyển đổi số trong BDTX giáo viên: tiết kiệm chi phí bồi dưỡng; thu hẹp khoảng cách địa lí; tạo cơ hội bình đẳng cho GV ở các vùng miền khác nhau trong việc tiếp cận nội dung giáo dục hiện đại, cập nhật; cá nhân hoá việc học tập, phát triển chuyên môn của GV qua đó thúc đẩy khả năng tự học suốt đời. Với các trường sư phạm, những tác động hai chiều của công tác này giúp nhà trường hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, cải tiến cơ sở hạ tầng... và hơn hết tăng cường vị thế của nhà trường.

### **3. KẾT LUẬN**

Trong một môi trường giáo dục đang trải qua quá trình chuyển đổi số với tốc độ cao, các trường sư phạm cần phát triển các dịch vụ giáo dục và cấu trúc lại cơ chế quản lý linh hoạt để có thể thích ứng môi trường giáo dục đầy biến động, mơ hồ (VUCA). Trong quá trình đó, những khó khăn, thách thức là không hề nhỏ, bởi từ trước đến nay hệ thống giáo dục đại học trên toàn thế giới nói chung không nổi tiếng vì khả năng thích ứng linh hoạt. Do vậy, trước tiên cần có những thay đổi về nhận thức, xem chuyển đổi số trong các trường sư phạm là bước chuyển đổi lâu dài, mang tính chiến lược và thực hiện từng bước một. Chuyển đổi số trong BDTX cho GV là một trong những bước đi cơ bản đó. Giáo viên phổ thông cần được cung cấp các dịch vụ giáo dục và trải nghiệm đáp học tập ứng kỳ vọng, nhu cầu cá nhân, thậm chí họ được tham gia kiến tạo nội dung, hình thức học tập.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Wilms, K. L. (2017), *Digital transformation in higher education – New cohorts, new requirements?* In Proceedings of the Twenty-third Americas Conference on Information Systems, Boston, MA.
2. Voronin, D. M., Saienko, V. G., & Tolchieva, H. V. (2020), *Digital transformation of pedagogical education at the university*, In Proceedings of the International Scientific Conference “Digitalization of Education: History, Trends and Prospects” (Vol. Advances in Social Science, Education and Humanities Research, pp. 757–763), Atlantis Press. <https://doi.org/10.2991/assehr.k.200509.135>.
3. Abad-Segura, E., González-Zamar, M. D., & Infante-Moro, J. C. (2020), *Sustainable management of digital transformation in higher education: Global research trends*, *Sustainability*, 12(5), 2107. <https://doi.org/10.3390/su12052107>.
4. Bilyalova, A. S. (2020), *Digital Transformation in Education*. In: Antipova T. (eds) *Integrated Science in Digital Age. ICIS 2019*, Lecture Notes in Networks and Systems, 78. Springer, Cham. [https://doi.org/10.1007/978-3-030-22493-6\\_24](https://doi.org/10.1007/978-3-030-22493-6_24).
5. Ifenthaler, D., Hofhues, S., Egloffstein, M., & Helbig, C. (Eds.). (2021), *Digital transformation of learning organizations*. Cham, Switzerland: Springer Nature, <https://doi.org/10.1007/978-3-030-55878-9>.
6. Gonzales, A. (2016), *The contemporary US digital divide: From initial access to technology maintenance*, *Information, Communication & Society*, 19(2), pp.234–248. <https://doi.org/10.1080/1369118X.2015.1050438>.
7. Lane, K. E., & Levy, S. J. (2019), *Marketing in the Digital Age: A Moveable Feast of Information*, In A. Rindfleisch & A. J. Malter (Eds.), *Marketing in a Digital World (Review of Marketing Research, Vol. 16, pp. 13–33)*. Leeds, UK: Emerald Publishing Limited. <https://doi.org/10.1108/S1548-643520190000016004>.
8. Khalil, A. I. (2020), *Digital transformation of teacher education by bridging digital divide between teacher educators and prospective teachers*, *Journal of Contemporary Teacher Education*, 4, pp.1–12.
9. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg: Phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022), *Quyết định số 4725: Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên*.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT: Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo*.

12. Quân, V. H. (2021, December 26), *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học*, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, [https://vnuhcm.edu.vn/doi-ngoai\\_34306864/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc/343137306864.html](https://vnuhcm.edu.vn/doi-ngoai_34306864/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc/343137306864.html)
13. Vân, N. T. (2021), *Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học*, Tạp chí Quản lý nhà nước, 309, tr.8–13.
14. Đinh, T. C. H. (2023), *Cơ sở pháp lý về chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, (Chuyên đề: Chuyển đổi số), pp.143–150, <https://doi.org/10.59294/HIUIJS.CDS.2023.374>
15. Thủy, N. T. (2013), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng giáo viên*, VVOB Vietnam.[https://vietnam.vvob.org/sites/vietnam/files/m\\_08\\_nguyen\\_thi\\_thu\\_thuy\\_bai\\_day\\_du\\_vn.pdf](https://vietnam.vvob.org/sites/vietnam/files/m_08_nguyen_thi_thu_thuy_bai_day_du_vn.pdf)
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Thông tư 26/2012/TT-BGDĐT: Ban hành quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên*.
17. Hoàng, T. T., & Ninh, T. H. (2017), *Phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông Việt Nam*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Giáo dục, 33(2), tr.52-60.
18. We Are Social. (2017), *Digital in Vietnam 2017*, We Are Social in partnership with Hootsuite, Truy cập tại <https://wearesocial.com/sg/blog/2017/02/digital-southeast-asia-2017/>
19. Alam, S., Albozeidi, H. F., Al-Hawamdeh, B. O. S., & Ahmad, F. (2022), *Practice and principle of blended learning in ESL/EFL pedagogy: Strategies, techniques and challenges*, *International Journal of Emerging Technologies in Learning (iJET)*, 17(11), pp.225–241. <https://doi.org/10.3991/ijet.v17i11.30103>
20. Zaky, H. (2024), *Understanding online power dynamics in higher education: Teachers' conceptual realization and students' perceptions of teaching effectiveness*, *Journal of Global Research in Education and Social Science*, 18(4), pp.214–232.
21. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Tổng hợp hoạt động ngành*. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=7638>.
22. Ân, T. (2022, April 23), *Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức hội nghị tổng kết chương trình ETEP*, Giáo dục Việt Nam, <https://giaoduc.net.vn/truong-dai-hoc-su-pham-ha-noi-to-chuc-hoi-nghi-tong-ket-chuong-trinh-etep-post226022.gd>.

23. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo*. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/doi-moi-can-ban-toan-dien-gd-va-dt.aspx?ItemID=6353>
24. Trường Đại học Vinh (2022), *Tổng kết chương trình ETEP*. <https://phonghcth.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-su-kien/seo/truong-dai-hoc-vinh-tong-ket-chuong-trinh-etep-106507>

## DIGITAL TRANSFORMATION IN CONTINUOUS PROFESSIONAL DEVELOPMENT FOR TEACHERS: PATHWAYS TO TRANSFORMATION AND ADAPTATION

*Ninh Thi Hanh*

**Abstract:** *The continuous professional development of teachers has always been a central task in building a high-quality education system. In the context of Vietnam's general education undergoing a significant reform, most notably in the renovation of curricula and textbooks, the professional development of teachers has become particularly crucial. This is not only the responsibility of the Ministry of Education and Training but also one of the core missions of teacher training institutions nationwide. In recent years, in response to societal developments and the impacts of the COVID-19 pandemic, digital transformation in teacher professional development has advanced rapidly. This paper focuses on two main objectives. First, it examines the concepts and key factors that underpin digital transformation in education globally. Second, it compares these insights with the current state of digital transformation in teacher training in Vietnam, and proposes specific measures to enhance digital transformation efforts in teacher education institutions.*

**Keywords:** *Digital transformation, Continuous professional development (CPD) for teachers, Teacher professional development*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-9-2025; ngày phản biện đánh giá: 08-10-2025; ngày chấp nhận đăng: 29-10-2025)*